TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 597/2023/HS-PT
Ngày: 14/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơm;

Các Thẩm phán: Ông Mai Anh Tài;

Ông Nguyễn Phan Nam.

- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Cảnh Duy, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại HN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại HN: Bà Trần Thị Minh Ngọc - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh HT, Tòa án nhân dân cấp cao tại HN xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 597A/2023/TLPT-HS ngày 03 tháng 6 năm 2023 do có kháng cáo của người bị hại Trần Thị T, Phạm Thị H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2023/HS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh HT.

- *Bị cáo bị kháng cáo*: **Phạm Thị O**. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nữ. Sinh ngày 20 tháng 12 năm 1980 tại huyện LH, tỉnh HT. Nơi đăng ký HKTT: Thôn GH, xã TK, huyện LH, tỉnh HT. Chỗ ở: Thôn GH, xã TK, huyện LH, tỉnh HT. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Họ và tên cha: Phạm Ngọc T, sinh năm 1944 (đã chết). Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị G, sinh năm 1947; trú tại: Thôn GH, xã TK, huyện LH, tỉnh HT. Anh chị em ruột: Có 04 người, bị cáo là con thứ ba. Chồng: Nguyễn Văn N, sinh năm 1975. Con: 03 người (lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2017); đều trú tại: Thôn GH, xã TK, huyện LH, tỉnh HT. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 26/02/2012, bị Công an huyện LH, tỉnh HT ra Quyết định xử phạt hành chính (phạt tiền 350.000 đồng) về hành vi Đánh bạc (đã nộp phạt).

Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh HT từ ngày 06/10/2022 đến nay, (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Trần Đức Đ, Văn phòng Luật sư HĐ, Đoàn Luật sư tỉnh HT, (Có mặt).

- *Người bị hại:*

1. Chị Trần Thị T, sinh năm: 1976, địa chỉ: Thôn GH, xã TK, huyện LH, tỉnh HT, (Có mặt).

2. Chị Phạm Thị H, sinh năm: 1971, địa chỉ: Thôn SB, xã TK, huyện LH, tỉnh HT, (Vắng mặt).

3. Chị Cao Thị L 1973, địa chỉ: Thôn QP, xã TC, huyện LH, tỉnh HT, (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Phạm Thị H: Luật sư Trần Đình L và Luật sư Võ Thị V, Công ty Luật TNHH MS thuộc Đoàn Luật sư tỉnh HT, (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2021, Phạm Thị O vay tiền của một số cá nhân để đầu tư chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện LH, tỉnh HT. Do bị thua lỗ nên đến tháng 5/2022, Phạm Thị O còn nợ khoảng 6.000.000.000 đồng, tiền gốc và phải trả tiền lãi khoảng 300.000.000 đồng/tháng nên mất khả năng thanh toán. Do các khoản nợ quá hạn, một số cá nhân liên tục yêu cầu O trả nợ nên từ tháng 5/2022 đến tháng 7/2022, Phạm Thị O đưa ra nhiều thông tin gian dối như vay tiền để mua đất, chung vốn mua đất, trả trước tiền lãi và tiền lời nhằm chiếm đoạt tổng số tiền 4.695.500.000 đồng của 03 người bị hại. Cụ thể:

1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt 1.100.000.000 đồng của chị Trần Thị T:

Năm 2020, Phạm Thị O và chị Trần Thị T bắt đầu có các giao dịch vay mượn tiền đầu tư đất, thống nhất tiền lãi từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng/100.000.000 đồng/tháng và thực hiện đúng cam kết. Đến tháng 5/2022, mất khả năng thanh toán các khoản nợ nên Phạm Thị O nảy sinh ý định gặp chị Trần Thị T đưa ra thông tin vay tiền mua đất, hứa hẹn trong một tuần sẽ trả nhằm chiếm đoạt tiền của chị T, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 07/5/2022, Phạm Thị O đến nhà gặp chị Trần Thị T đưa ra thông tin gian dối là *"Chị ơi em cần trả tiền mua đất 6.000.000.000 đồng, chị cho em vay 300.000.000 đồng, một tuần làm xong thủ tục vay Ngân hàng em sẽ trả chị"* rồi điều khiển xe mô tô chở chị T đến một thửa đất tại mặt đường 45, đối diện nhà thờ thuộc thị trấn LH, huyện LH (O không biết thửa đất này của ai) để xem đất. Phạm Thị O nói với chị T *"Đất này em mua 6.000.000.000 đồng, giờ đang nhờ trên huyện làm bìa nhanh để vay Ngân hàng Sacombank"*. Sau khi xem đất, chị Trần Thị T tin tưởng, giao cho O vay 300.000.000 đồng, O viết giấy vay tiền với thời hạn vay 15 ngày. Phạm Thị O sử dụng số tiền nêu trên để trả nợ cho một số cá nhân. Đến hẹn, chị Trần Thị T yêu cầu trả tiền, Phạm Thị O nói dối chị T là Ngân hàng đang làm thủ tục giải ngân nên chưa có tiền trả. Đến ngày 07/6/2022, chị Trần Thị T tiếp tục yêu cầu Phạm Thị O trả tiền nên O giải thích là Ngân hàng chưa giải ngân xong.

Lần thứ hai: Ngày 16/6/2022, Phạm Thị O tiếp tục đến nhà chị Trần Thị T đưa ra thông tin gian dối là Phạm Thị O đã *"đặt cọc lô đất 2.200.000.000 đồng,*

nếu không có tiền là mất cọc mấy trăm triệu" và nhờ chị T vay giúp 800.000.000 đồng nhưng chị T trả lời là không có tiền. Để thuyết phục chị Trần Thị T tin tưởng cho vay, Phạm Thị O đưa thông tin, hứa hẹn: Ít ngày nữa Ngân hàng giải ngân 4.000.000.000 đồng, O sẽ trả hết cho chị T cả khoản vay trước và cho chị T thêm 2.000.000 đồng. Tin lời Phạm Thị O, chị Trần Thị T gọi điện cho bố đẻ là ông Trần Xuân X (sinh năm 1954, trú cùng thôn) vay 350.000.000 đồng và con gái là chị Phan Thị Mỹ D (sinh năm 1997, trú cùng gia đình chị T) vay 100.000.000 đồng. Sau đó, chị Trần Thị T trực tiếp giao cho Phạm Thị O 190.000.000 đồng và chuyển khoản 160.000.000 đồng từ tài khoản của chị T đến tài khoản số 040048338838 tại Ngân hàng Sacombank của Phạm Thị O. Ông Trần Xuân X giao cho O 350.000.000 đồng và chị Phan Thị Mỹ D chuyển khoản cho O 100.000.000 đồng, O viết vào sổ nợ vay của chị Trần Thị T số tiền 800.000.000 đồng. Ngay sau khi nhận được số tiền nêu trên, Phạm Thị O sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Đến hẹn, chị Trần Thị T đến nhà gặp Phạm Thị O để lấy tiền thì O nói dối "*Chị ơi gắng cho em ít ngày, 02 ngày nữa Ngân hàng mới giải ngân cho"*. Đến hẹn, chị Trần Thị T tiếp tục yêu cầu Phạm Thị O trả tiền nhưng O vẫn không trả.

Như vậy, Phạm Thị O đã 02 lần lừa đảo chiếm đoạt của chị Trần Thị T tổng số tiền là 1.100.000.000 đồng để trả nợ và chi tiêu cá nhân. Hiện nay, O đã trả số tiền 550.000.000 đồng cho chị Trần Thị T, chị T yêu cầu O tiếp tục bồi thường cho chị 550.000.000 đồng.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt 2.695.500.000 đồng của chị Phạm Thị H:

Lần thứ nhất: Ngày 20/6/2022, Phạm Thị O đến nhà gặp chị Phạm Thị H đưa ra thông tin gian dối là O nhận chuyển nhượng thửa đất tại xã TC có giá 1.000.000.000 đồng, đã có khách mua lại với giá 1.100.000.000 đồng và khoảng 20 ngày sẽ hoàn vốn. Để chị Phạm Thị H tin tưởng, Phạm Thị O điều khiển xe mô tô chở chị H đến xem 01 thửa đất tại khu quy hoạch ĐT thuộc thôn ĐC, xã TC, huyện LH, tỉnh HT (thực tế thửa đất là của chị Lê Thị Hồng N, sinh năm 1992, trú tại thôn Hồng Lạc, xã TC không có ý định bán). Tin tưởng thông tin Phạm Thị O đưa ra, chị Phạm Thị H đồng ý, thống nhất cho O vay 1.100.000.000 đồng trong thời hạn 20 ngày nên O trả trước tiền lãi, tiền lời là 62.000.000 đồng (gồm 22.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng mức lãi 1% (1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày), 38.000.000 đồng tiền lời, 2.000.000 đồng cho người cho vay tiền), chị H đã giao cho O 1.038.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền từ chị H, Phạm Thị O đã sử dụng để trả nợ cho người khác. Đến thời hạn, chị Phạm Thị H yêu cầu trả tiền thì Phạm Thị O bịa lý do chưa bán được đất để trả nợ cho chị H.

Lần thứ hai: Tháng 7/2022, chị Phạm Thị H yêu cầu Phạm Thị O trả hồ sơ công chứng một chiều mua bán đất (trước đó chị H cho O mượn để thế chấp vay tiền) và một số người yêu cầu O trả tiền, nên O tiếp tục nảy sinh ý định đưa ra thông tin gian dối góp tiền mua đất, chiếm đoạt tiền của chị H để trả nợ.

Ngày 02/7/2022, Phạm Thị O đến nhà, gặp chị Phạm Thị H đưa ra thông tin gian dối là có một lô đất ở xã TC, huyện LH bán 1.600.000.000 đồng, O đã có khách mua và lời 150.000.000 đồng, trong 25 ngày thu hồi vốn và trả lại tiền

cho chị H, đề nghị chị H vay tiền chung vốn để chia đôi tiền lời. Tin tưởng thông tin Phạm Thị O đưa ra, chị H đến nhà chị Nguyễn Thị A (sinh năm 1972, trú tại xã TC, huyện LH, tỉnh HT) nói *"Đang chung đất với O lời được 150.000.000 đồng"* để vay 600.000.000 đồng, chị A đồng ý chuyển khoản 600.000.000 đồng vào tài khoản số 040048338838 tại Ngân hàng Sacombank của Phạm Thị O. Sau khi đã trừ tiền lãi, tiền lời là 92.500.000 đồng (gồm: 35.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng mức lãi 1,25% (1.250 đồng/1.000.000 đồng/ngày), 57.500.000 đồng tiền lời); còn lại 1.057.500.000 đồng thì chị Phạm Thị H giao 857.500.000 đồng tiền mặt và anh Nguyễn Thanh T sinh năm 1968 (chồng chị Phạm Thị H) chuyển khoản 200.000.000 đồng vào tài khoản số 040048338838 tại Ngân hàng Sacombank của Phạm Thị O. Sau khi nhận đủ 1.657.000.000 đồng, Phạm Thị O viết giấy vay chị Phạm Thị H số tiền 1.750.000.000 đồng. Số tiền 1.657.000.000 đồng chiếm đoạt của chị H, Phạm Thị O sử dụng trả nợ và chi tiêu cá nhân. Đến hẹn, chị Phạm Thị H yêu cầu Phạm Thị O trả tiền thì O nói với chị H *"Em bị bể nợ rồi, xin lỗi anh chị".*

Như vậy, Phạm Thị O đã 02 lần lừa đảo chiếm đoạt của chị Phạm Thị H tổng số tiền là 2.695.500.000 đồng để trả nợ và chi tiêu cá nhân. Hiện nay, bị cáo đã trả 100.000.000 đồng cho chị Phạm Thị H, chị H yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường 2.595.500.000 đồng.

3. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt 900.000.000 đồng của chị Cao Thị L:

Phạm Thị O có nhiều lần vay tiền của chị Cao Thị L và O có giới thiệu việc mua, bán đất. Tháng 5/2022, do mất khả năng thanh toán các khoản nợ nên Phạm Thị O đưa ra nhiều thông tin gian dối nhằm chiếm đoạt 900.000.000 đồng của chị Cao Thị L, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng tháng 5/2022, Phạm Thị O mang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã công chứng (đất tại xã TC, không nhớ tên ai) đến nhà gặp chị Cao Thị L nói "*Chị ơi lô này công chứng một chiều rồi, em mua 1.400.000.000 đồng, có người trả 1.600.000.000 đồng, họ hẹn ít hôm lấy. Em có việc cần 500.000.000 đồng sang tuần em trả*". Ngày 18/5/2022, tin tưởng thông tin O đưa ra và O giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã công chứng nên chị Cao Thị L chuyển khoản 500.000.000 đồng vào tài khoản số 040048338838 tại Ngân hàng Sacombank của Phạm Thị O. Ngay sau khi nhận tiền, Phạm Thị O sử dụng để trả nợ cho người khác. Khoảng một tuần sau, Phạm Thị O đến gặp chị Cao Thị L nói dối là "*Chị ơi đất này em bán rồi, cho em lấy lại bìa để ra một cửa làm thủ tục cho họ, họ chồng tiền ở một cửa rồi em đưa tiền cho chị*". Chị Cao Thị L đồng ý giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho O. Khoảng 02 ngày sau, chị Cao Thị L yêu cầu Phạm Thị O trả tiền thì O nói dối là "*Bìa bị sai thông tin phải đính chính nên họ chưa trả tiền*".

Lần thứ hai: Ngày 12/7/2022, Phạm Thị O đến nhà gặp chị Cao Thị L đưa ra thông tin gian dối là có lô đất ở xã TB, huyện LH bán cho O 1.380.000.000 đồng, đã có khách mua 1.420.000.000 đồng, nhờ chị L cho O vay 100.000.000 đồng để đặt cọc; số tiền lời 40.000.000 đồng thì chia đôi, khoảng 02 ngày O sẽ trả lại tiền vay. Tin tưởng thông tin O đưa ra, chị Cao Thị L chuyển khoản

100.000.000 đồng vào tài khoản số 040048338838 tại Ngân hàng Sacombank của Phạm Thị O. Ngay sau khi nhận số tiền trên, Phạm Thị O sử dụng trả nợ cho người khác. Ngày 13/7/2022, Phạm Thị O tiếp tục đến gặp chị Cao Thị L đưa ra thông tin gian dối là "*Chủ đất họ cần tiền ngay mà em còn thiếu 300.000.000 đồng, chị xoay cho em 02 ngày nữa em lấy tiền chỗ khách em trả*". Tin tưởng thông tin O đưa ra, chị Cao Thị L tiếp tục chuyển khoản 300.000.000 đồng vào tài khoản số 040048338838 tại Ngân hàng Sacombank của Phạm Thị O. Ngay sau khi nhận tiền, Phạm Thị O sử dụng trả nợ cho người khác. Đến hẹn, chị Cao Thị L yêu cầu Phạm Thị O trả tiền thì O nói dối là "*Bìa làm chưa xong nên họ chưa chồng tiền"*. Đến cuối tháng 8/2022, O thông báo với chị L là O hoàn toàn mất khả năng thanh toán các khoản nợ.

Như vậy, Phạm Thị O đã 02 lần lừa đảo chiếm đoạt của chị Cao Thị L tổng số tiền là 900.000.000 đồng để trả nợ. Quá trình điều tra, bị cáo O đã trả cho chị L tiền 500.000.000 đồng, chị L cho bị cáo số tiền còn lại. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, chị L yêu cầu bị cáo phải trả cho chị L số tiền (400.000.000 đồng), bị cáo đồng ý với yêu cầu của chị L.

Vật chứng, tài liệu đã thu giữ và xử lý: Quá trình điều tra, người bị hại giao nộp các tài liệu là giấy vay tiền, đã đưa vào hồ sơ vụ án. Ngoài ra, Cơ quan điều tra không thu giữ vật chứng, đồ vật, tài sản gì khác.

Các nội dung có liên quan trong vụ án:

Đối với chị Phạm Thị H, chị Trần Thị T, chị Cao Thị L cho Phạm Thị O vay tiền, quá trình điều tra đã làm rõ việc cho vay đều với mức lãi suất từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày *(là lãi suất dưới mức gấp 05 lần của mức lãi suất cao nhất được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự)*. Do đó, hành vi cho vay lấy lãi của chị Phạm Thị H, chị Trần Thị T, chị Cao Thị L không cấu thành tội phạm *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".*

Đối với anh Nguyễn Văn N (chồng của bị cáo), anh Đặng Đôn L (sinh năm 1975, trú tại đường NCT, phường ND, thành phố HT, tỉnh HT): Liên quan đến việc mua, bán tài sản chung của vợ chồng bị cáo trong khoảng thời gian từ tháng 8/2022 nhưng việc mua, bán ngay tình, hợp pháp, không có dấu hiệu tẩu tán tài sản và không có hành vi vi phạm pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2023/HS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh HT quyết định: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị O phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị O 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 06/10/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 163, Điều 164, Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Phạm Thị O trả cho chị Trần Thị T số tiền 550.000.000 đồng, trả cho chị Phạm Thị H số tiền 2.595.500.000 đồng; trả cho chị Cao Thị L số tiền 400.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định án phí và thông báo về

quyền kháng cáo và quyền thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/4/2023, người bị hại là chị Trần Thị T và chị Phạm Thị H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo. Ngoài ra, chị H còn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm vì ngoài phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" thì bị cáo O còn phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Phạm Thị H vắng mặt, chị Trần Thị T thay đổi nội dung kháng cáo, không đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo mà chỉ yêu cầu bị cáo sớm bồi thường tài sản cho bị hại. Chị Cao Thị L không kháng cáo nhưng chị L đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo O để bị cáo có cơ hội trở về lao động sớm bồi thường thiệt hại cho các bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại HN có quan điểm:

Người bị hại là chị Phạm Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự để xét xử.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và căn cứ kháng cáo của bị cáo, kết luận: Bị cáo Phạm Thị O bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 14 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đối với khoản tiền 900.000.000 đồng bị cáo O vay của chị H trước năm 2021 là giao dịch dân sự không cấu thành tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nên không có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị O vẫn luôn thừa nhận hành vi phạm tội, Luật sư không có ý kiến về tội danh đối với bị cáo. Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường một phần cho bị hại và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Phạm Thị H đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm bỏ lọt tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" đối với hành vi bị cáo O vay của chị H 900.000.000 đồng nhưng có dấu hiệu trốn tránh không trả chị H khi bị cáo O chưa mất khả năng thanh toán. Đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, vì ngay từ đầu bị cáo có kế hoạch vay tiền chi tiêu cá nhân không trả nợ, bị cáo có dấu hiệu tẩu tán tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội

đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của người bị hại Trần Thị T và Phạm Thị H trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Phạm Thị H vắng mặt không có lý do nhưng đã được triệu tập và tống đạt hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Thị O phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm về diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo; phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bị hại trong vụ án; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Vì muốn có tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân nên trong khoảng thời gian từ tháng 05/2022 đến tháng 7/2022, Phạm Thị O đã nhiều lần đưa ra các thông tin gian dối lừa đảo chiếm đoạt tổng số tiền 4.695.500.000 đồng của 03 người bị hại. Trong đó bị cáo chiếm đoạt của chị Trần Thị T là 1.100.000.000 đồng, chị Phạm Thị H là 2.695.500.000 đồng, chị Cao Thị L là 900.000.000 đồng. Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin sai sự thật trong việc mua đất cát kinh doanh kiếm lời để nhằm chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Hành vi của bị cáo Phạm Thị O đủ để cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với tổng số tiền chiếm đoạt là 4.695.500.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của người bị hại Trần Thị T và Phạm Thị H:

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm chị T thay đổi kháng cáo, không đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Phạm Thị O mà chỉ yêu cầu bị cáo O phải sớm thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại đầy đủ cho bị hại nên Hội đồng xét xử không xét kháng cáo của chị T về tăng hình phạt đối với bị cáo O. Đối với yêu cầu được sớm bồi thường thiệt hại thì chị T có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự thực hiện theo Luật Thi hành án dân sự.

[3.2] Đối với kháng cáo của chị Phạm Thị H về đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Phạm Thị O thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù bị cáo có hành vi phạm tội nhiều lần nhưng trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo O thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại (bồi thường cho chị T là 550.000.000 đồng, bồi thường cho chị L là 500.000.000 đồng, bồi thường cho chị H là 100.000.000 đồng), người bị hại xác nhận đã nhận được số tiền bồi thường nêu trên; đồng thời tại phiên tòa sơ thẩm (thể hiện tại Biên bản phiên tòa BL 373 đến BL 380) chị L và chị T có ý kiến xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, bố mẹ đẻ của bị cáo là người có công với Nhà nước, chồng bị cáo là anh Nguyễn Văn N công tác trong Quân đội nhiều năm liền được tặng thưởng Huy chương Chiến sỹ vẻ vang. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 14 năm tù là có căn cứ, đúng

pháp luật.

[3.3] Tại cấp phúc thẩm, chị L tiếp tục đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo O, tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo O là nguy hiểm cho xã hội và thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc, xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Phạm Thị O. Vì vậy, mức hình phạt 14 năm tù đối với bị cáo vừa thể hiện được tính khoan hồng của pháp luật nhưng cũng đủ để răn đe, giáo dục. Sau khi xét xử, bị cáo O chưa khắc phục thêm cho các bị hại và tại cấp phúc thẩm không phát sinh tình tiết mới nên không có cơ sở để giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo.

[3.4] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Phạm Thị H còn cho rằng phải xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt đối với khoản tiền 900.000.000 đồng của chị H thì thấy rằng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự trình bày: Trước năm 2021, bị cáo O có vay tiền của chị H nhiều lần và có trả gốc lãi nhiều lần sau đó hai bên có viết giấy chốt nợ (BL 35 thể hiện ngày 07/10/2021 O vay anh T chị H 500.000.000 đồng, thời hạn 01 tháng; BL 36 thể hiện ngày 31/12/2021 O vay anh T, chị H 400.000.000 đồng). Do đó, có căn cứ xác định số tiền 900.000.000 đồng được thể hiện tại hai giấy nhận nợ nêu trên là giao dịch dân sự, thực tế bị cáo O có trả lãi cho chị H. Khi chị H đòi nợ bị cáo vẫn khất nợ và không bỏ trốn.

Đối với anh Nguyễn Văn N (chồng của bị cáo) và anh Đặng Đôn L liên quan đến việc mua, bán tài sản chung của vợ chồng bị cáo trong khoảng thời gian từ tháng 7/2022 đến tháng 8/2022 (trước thời điểm khởi tố vụ án, khởi tố bị can) để trả nợ cho Ngân hàng và một số cá nhân là anh Huỳnh, chị Huệ, chị H... nên không có cơ sở xác định giao dịch giữa các bên có dấu hiệu tẩu tán tài sản như ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Phạm Thị H.

[3.5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người bị hại Trần Thị T và Phạm Thị H. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, cần giữ nguyên nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm. Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Thị O và ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Phạm Thị H không được chấp nhận.

[4] Về án phí: Người bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại Trần Thị T và Phạm Thị H; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2023/HS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh HT, cụ thể:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị O phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị O 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 06/10/2022.

2. Chị Trần Thị T và chị Phạm Thị H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT I - TANDTC;
- VKSNDCC tại HN;
- TAND tỉnh HT;
- VKSND tỉnh HT;
- Cục THADS tỉnh HT;
- Công an tỉnh HT;
- TTG - Công an tỉnh HT;
- Bị cáo (qua TTG);
- Người bị hại;
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Thơm

CÁC THẨM PHÁN

Mai Anh Tài **Nguyễn Phan Nam**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Thơm